

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HS-ST
Ngày 31 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Tư và bà Ngôn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn Th; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 16/01/1996 tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm K, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn C (sinh năm 1973) và bà Triệu Thị Th (đã chết); Vợ: Lý Thị Q (sinh năm 1995); Con: Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Đặc điểm nhân thân: Ngày 18/9/2019 bị Công an huyện Trùng Khánh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 22/3/2023. Đến ngày 04/4/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (Có mặt)

2. Nịnh Thị T; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 17/5/1985 tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm P, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nịnh Văn

Ch (sinh năm 1962) và bà Hoàng Thị H (sinh năm 1962); Chồng: Nông Văn T (sinh năm 1982); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 22/3/2023. Đến ngày 04/4/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (Có mặt)

3. Lục Thị B; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có. Sinh ngày: 15/01/1995 tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm P, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Lục Văn Ng (đã chết) và bà Lục Thị M (sinh năm 1963); Chồng: Đàm Văn K (sinh năm 1988); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 20/3/2023 đến nay. (Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Hoàng Văn L, sinh năm 1995; (Có mặt)
2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; (Có mặt)
3. Lục Thị H, sinh năm 1997; (Có mặt)
4. Lô Thị H, sinh năm 1994; (Vắng mặt)
5. Ninh Văn Q, sinh năm 1993; (Có mặt)
6. Hoàng Văn L, sinh năm 1989; (Có mặt)
7. Lục Thị V, sinh năm 1997; (Có mặt)
8. Hoàng Văn Ch, sinh năm 1992; (Có mặt)
9. Hoàng Văn Q, sinh năm 1994; (Có mặt)
10. Hoàng Văn Th, sinh năm 1995; (Có mặt)

Đều trú tại: xóm P, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 35 ngày 13/01/2023, tổ công tác của Đoàn Biên phòng Ngọc Chung phối hợp với Phòng Phòng chống Ma túy và Tội phạm, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng làm nhiệm vụ tại khu vực giữa mốc 774 đến mốc 775 thuộc xóm Gi, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng cách biên giới Việt Nam - Trung Quốc khoảng 02 km phát hiện 11 người đang dắt 10 con trâu đều là trâu đực đã trưởng thành từ nội địa hướng ra biên giới sang Trung Quốc qua

khu vực mốc 775. Tổ công tác tiến hành sơn lên trên thân trâu từ số 01 đến 10, đồng thời đưa 11 đối tượng và 10 con trâu về Đồn Biên phòng Ngọc Chung để làm rõ.

Tại Đồn Biên phòng Ngọc Chung xác định 10 người dắt trâu gồm Hoàng Văn Th, sinh năm 1995; Hoàng Văn Q, sinh năm 1994; Hoàng Văn Ch, sinh năm 1992; Lô Thị H, sinh năm 1994; Hoàng Văn L, sinh năm 1995; Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; Lục Thị H, sinh năm 1997; Hoàng Văn L, sinh năm 1989; Ninh Văn Q, sinh năm 1993, Lục Thị V, sinh năm 1997 đều trú tại xóm P, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh khai được thuê dắt trâu từ dốc K thuộc xóm N, xã Khâm Thành qua mốc 775 giao cho người Trung Quốc sẽ được hưởng tiền công mỗi người 200.000 đồng. Lục Thị B, sinh năm 1995, trú tại xóm P, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh khai B cùng với Ninh Thị T, sinh năm 1985 người cùng xóm được Hoàng Văn Th, sinh năm 1996, trú tại xóm K, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng thuê tìm người dắt trâu qua biên giới cho người Trung Quốc trả tiền công cho người dắt 400.000 đồng/ 01 con và tiền công cho người đi giám sát 50.000 đồng/ 01 con.

Đồn Biên phòng Ngọc Chung tạm giữ với Lục Thị B 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím, nhãn hiệu ACE; Ninh Văn Q 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím, nhãn hiệu Masstel; Hoàng Văn Ch 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím, nhãn hiệu Masstel; Hoàng Văn L 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG; Hoàng Văn Th 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO; Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO; Hoàng Văn Q 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu REDMI; Hoàng Văn Th 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE; Ninh Thị T 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím, nhãn hiệu NOKIA để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 14/01/2023, Đồn Biên phòng Ngọc Chung tiến hành cân 10 (mười) con trâu có khối lượng 6.050 kg. Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận 10 con trâu đã trưởng thành tại thời điểm ngày 13/01/2023 có giá 350.900.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định được, chiều ngày 13/01/2023, Hoàng Văn Th nhận điện thoại của một người Trung Quốc tên là Z qua phần mềm Wechat thuê tìm người dắt 10 (mười) con trâu từ xóm N, xã Khâm Thành đi qua mốc 755 sang Trung Quốc với số tiền 150 nhân dân tệ/ 01 con. Th nhận lời. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Th gọi điện thoại cho Ninh Thị T tìm người dắt trâu và giao trâu cho Trung Quốc. Tiền công trả cho người dắt trâu thuê 400.000 đồng/ 01 con, tiền công cho T tìm thuê người dắt trâu, kiểm đếm trâu giao cho người Trung Quốc là 50.000

đồng/ 01 con. Số tiền còn lại, sau khi chi trả cho T và người dắt trâu thuê thì Th hưởng. Khi T nghe điện thoại của Th gọi đến, Lục Thị B đang chơi ở nhà T cũng nghe thấy. T rủ B cùng làm, tiền công chia đôi. B nhất trí. Sau đó T và B chia nhau đi tìm thuê người dắt trâu.

Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, xe chở trâu đến N. Th gọi điện cho T bảo người dắt trâu sang Trung Quốc. Do xe trâu hạ ở đầu xóm N nên T gọi điện thoại cho Nông Văn Tr, sinh năm 1985 là người xóm N nhờ tìm 10 người dắt từ đầu xóm N đến đoạn đèo K ở cuối xóm N. Tiền công trả cho người dắt là 150.000 đồng/ 01 con. T tìm được 05 (năm) người gồm Hoàng Văn L, Lục Thị H, Nguyễn Văn H, Ninh Văn Q, Lô Thị H; B tìm được 05 (năm) người gồm Lục Thị V, Hoàng Văn Ch, Hoàng Văn L, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn Th dắt 10 (mười) con trâu từ đèo K đi theo đường ruộng đi vào đường mòn hướng về mốc 775 để giao cho người Trung Quốc. Khi đến đoạn đường thuộc xóm Gi thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện bắt giữ.

10 người dắt trâu từ đầu xóm N đến cuối xóm N gồm có Hoàng Văn H1, Nông Thị Ngh, Hoàng Văn Ch, Hoàng Thị H, Lục Văn N, Đàm Văn T, Lương Văn Ch, Nông Văn T và 02 người không xác định được tên tuổi đều trú tại xóm N, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. H1, Ngh, Chúc, H2, N, T1, Ch, T2 đều khai chỉ biết dắt trâu từ đầu xóm N đến cuối xóm N để nhận tiền công. Sau đó trâu đi đâu không biết.

Quá trình gửi chăm nuôi nhận thấy đàn trâu có biểu hiện gầy yếu, có nguy cơ chết. Cơ quan điều tra tiến hành bán đàn trâu là vật chứng của vụ án được 272.473.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng), trả chi phí chăm nuôi 53.400.000 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) còn 219.073.000 đồng (hai trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tạm gửi Kho bạc Nhà nước huyện Trùng Khánh đúng theo quy định.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người dắt trâu.

Qua điều tra xác minh, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động đã tạm giữ cho Ninh Văn Q; Nguyễn Văn H; Hoàng Văn L; Hoàng Văn Th; Hoàng Văn Ch; Hoàng Văn Q.

Vật chứng còn lại của vụ án được Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để đảm bảo việc xét xử vụ án.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKSTK, ngày 11 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Th, Ninh Thị T và Lục Thị B về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo điểm b khoản 2 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

Bị cáo Th khai: Chiều ngày 13/01/2023, bị cáo nhận điện thoại của một người Trung Quốc tên là Z qua phần mềm Wechat thuê tìm người dắt 10 (mười) con trâu từ xóm N, xã Khâm Thành đi qua mốc 755 sang Trung Quốc với số tiền 150 nhân dân tệ/ 01 con. Bị cáo Th nhận lời. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo gọi điện thoại cho Ninh Thị T tìm người dắt trâu và giao trâu cho Trung Quốc. Tiền công trả cho người dắt trâu thuê 400.000 đồng/ 01 con, tiền công cho T tìm thuê người dắt trâu, kiểm đếm trâu giao cho người Trung Quốc là 50.000 đồng/ 01 con. Số tiền còn lại, sau khi chi trả cho T và người dắt trâu thuê thì Th hưởng. Mục đích vận chuyển số hàng trên sang Trung Quốc để hưởng tiền công, nay bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, trái pháp luật. Đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE thu giữ của bị cáo, bị cáo có được sử dụng để trao đổi với người Trung Quốc và bị cáo T.

Bị cáo T khai: Chiều ngày 13/01/2023 bị cáo Th có gọi điện thoại cho bị cáo tìm người dắt trâu và giao trâu cho Trung Quốc. Tiền công trả cho người dắt trâu thuê 400.000 đồng/ 01 con, tiền công trả cho bị cáo tìm thuê người dắt trâu, kiểm đếm trâu giao cho người Trung Quốc là 50.000 đồng/ 01 con. Bị cáo có rủ bị cáo B cùng làm, tiền công chia đôi. B nhất trí. Sau đó bị cáo và B chia nhau đi tìm thuê người dắt trâu. Mục đích vận chuyển số hàng trên sang Trung Quốc để hưởng tiền công, nay bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, trái pháp luật. Đối với 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím, nhãn hiệu NOKIA thu giữ của bị cáo, bị cáo có được sử dụng để trao đổi với bị cáo Th.

Bị cáo B khai: Bị cáo thừa nhận lời khai của bị cáo T là đúng sự thật. Bị cáo được bị cáo T rủ cùng tìm người dắt trâu thuê cho bị cáo Th, thỏa thuận tiền công chia đôi. Mục đích vận chuyển số hàng trên sang Trung Quốc để hưởng tiền công, nay bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, trái pháp luật. Đối với 01 (một) điện thoại di động dạng bàn phím, nhãn hiệu ACE thu giữ của bị cáo, bị cáo có được sử dụng để soi đèn cùng những người dắt trâu đi sang Trung Quốc.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận định các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi của mình nhưng vẫn cố tình phạm tội, căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Th, Ninh Thị T và Lục Thị B phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn Th. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th từ 230.000.000 đồng đến 260.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Ninh Thị T. Xử phạt bị cáo Ninh Thị T từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lục Thị B. Xử phạt bị cáo Lục Thị B từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE tạm giữ đối với Hoàng Văn Th, trong máy có 01 (một) sim điện thoại số 0969989479; 01 (một) chiếc điện thoại di động dạng bàn phím nhãn hiệu NOKIA tạm giữ đối với Ninh Thị T, trong máy có 01 (một) sim điện thoại số 0835766828; 01 (một) chiếc điện thoại di động dạng bàn phím nhãn hiệu ACE tạm giữ đối với Lục Thị B, trong máy có 02 sim điện thoại số 0865998660; 0877646762; số tiền 219.073.000 đồng (hai trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn Th, Ninh Thị T và Lục Thị B nhận tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với

lời khai của những người làm chứng về thời gian, địa điểm vận chuyển hàng, biên bản vụ việc, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở để kết luận: Chiều ngày 13/01/2023, Hoàng Văn Th nhận được điện thoại qua phần mềm Wechat từ một người Trung Quốc thuê Th vận chuyển 10 con trâu từ xóm N, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo đường mòn qua mốc 775 thuộc xóm Gi, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh sang Trung Quốc. Th thuê Ninh Thị T, Lục Thị B tìm thuê người dắt và quản lý trâu giao cho người Trung Quốc. Buổi tối ngày 13/01/2023, T, B và những người được thuê dắt 10 con trâu từ dốc K thuộc xóm N đi theo đường mòn để sang Trung Quốc. Khi đến khu vực gần mốc 775 biên giới Việt Nam - Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện và tạm giữ 10 con trâu có trị giá 350.900.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và trật tự trị an xã hội được pháp luật bảo vệ, làm xáo trộn và gây nguy hại đến nền kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường và ổn định kinh tế quốc gia, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới là vi phạm pháp luật, nhưng vì háo lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội các bị cáo Hoàng Văn Th, Ninh Thị T và Lục Thị B đã phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” theo điểm b khoản 2 Điều 189 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

- Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong quá trình phạm tội, các bị cáo đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của bị cáo này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của bị cáo khác. Tuy nhiên, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Th là người trực tiếp liên lạc với chủ trâu người Trung Quốc để vận chuyển trâu sang biên giới, thuê bị cáo T và bị cáo B tìm người dắt trâu và chỉ đạo các bị cáo trong quá trình vận chuyển nên bị cáo là người giữ vai trò chính. Đối với bị cáo Ninh Thị T và bị cáo Lục Thị B chỉ là người được thuê để nhận tiền công, thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Th nên là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu trong vụ án.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo Hoàng Văn Th, Ninh Thị T và Lục Thị B đều thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy

định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra, đối với bị cáo Ninh Thị T và Lục Thị B còn tích cực hợp tác với Cơ quan Điều tra để phát hiện thêm đồng phạm mới, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo Ninh Thị T và Lục Thị B có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; đối với bị cáo Hoàng Văn Th, ngày 18/9/2019 bị Công an huyện Trùng Khánh xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp. Tuy nhiên, tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt chính: Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Hoàng Văn Th có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án; mục đích phạm tội cũng chỉ vì lợi nhuận. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, có điều kiện để thi hành án trong trường hợp bị phạt tiền nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tiền theo điều luật đã quy định là có căn cứ, vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đối với các bị cáo Ninh Thị T, Lục Thị B: Theo quy định của pháp luật, các bị cáo có thể được áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được các bị cáo không có điều kiện để thi hành hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo. Bị cáo T có chồng ốm đau bệnh tật chỉ làm những việc nhẹ và bị cáo là lao động chính trong gia đình, trực tiếp là người chăm lo cho các con; bị cáo B có chồng hiện nay đang đi chấp hành án, một mình chăm sóc nuôi các con và con út hiện nay đang dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng; và căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử nhận định: không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng

Khánh là phù hợp, cũng đủ sức răn đe để các bị cáo giáo dục tại địa phương, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho các bị cáo T, B được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, điều đó cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Xét mức độ tham gia của từng bị cáo Ninh Thị T, Lục Thị B thấy rằng: Cả hai bị cáo đều tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là thứ yếu, ngang nhau, hưởng lợi như nhau. Tuy nhiên, bị cáo T là người trực tiếp liên lạc và được bị cáo Th thuê tìm người dặt trâu, bị cáo B chỉ là người được bị cáo T rủ cùng tham gia và bị cáo B đồng ý cùng tìm người để dặt trâu thuê, lợi nhuận được bị cáo T chia đôi. Do đó, bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo B là có căn cứ.

Như vậy, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Hoàng Văn Th đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, còn các bị cáo Ninh Thị T, Lục Thị B không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

[7] Các nhận định khác:

Đối với những người dặt trâu từ đầu xóm N đến cuối xóm N gồm có Hoàng Văn H, Nông Thị Ngh, Hoàng Văn Ch, Hoàng Thị H, Lục Văn N, Đàm Văn T, Lương Văn Ch, Nông Văn T và 02 người không xác định được tên tuổi đều trú tại xóm N, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh chỉ biết dặt trâu từ đầu xóm đến cuối xóm N để nhận tiền công, sau đó trâu dặt đi đâu không biết; Nông Văn Tr được T nhờ tìm người dặt trâu không được hưởng lợi gì, cũng không biết trâu dặt đi đâu, Tr cũng không được dặt con trâu nào. Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý những người này là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn H, Lục Thị V, Ninh Văn Q, Hoàng Văn L, Lục Thị H, Hoàng Văn Ch, Hoàng Văn Th, Lô Thị H, Hoàng Văn L, Hoàng Văn Q mỗi người dặt 01 con trâu sang Trung Quốc chưa đến mức xử lý hình sự. Cơ quan điều tra ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với 10 người có tên trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người tên Z người Trung Quốc đã thuê Th vận chuyển 10 con trâu. Do không biết họ tên đệm và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ điều kiện để xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: 03 (ba) chiếc điện thoại thu giữ đối với các bị cáo, các bị cáo đều sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước; Đối với số tiền 219.073.000 đồng (hai trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng), đây là số tiền bán chỉ định số trâu là vật chứng của vụ án nên cần sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn Th, Ninh Thị T và Lục Thị B phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn Th. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Th đã nộp 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nay bị cáo Th còn phải thi hành số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng);

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Ninh Thị T. Xử phạt bị cáo Ninh Thị T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 31/7/2023;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 189, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lục Thị B. Xử phạt bị cáo Lục Thị B 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 31/7/2023.

Giao các bị cáo Ninh Thị T, Lục Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE tạm giữ đối với Hoàng Văn Th, số IMEI1: 353924103263855, số IMEI 2: 353924103224642, trong máy có 01 sim điện thoại số 0969989479;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động dạng bàn phím nhãn hiệu NOKIA tạm giữ đối với Ninh Thị T, số IMEI 1: 357733109867593, số IMEI 2: 357739101867598, trong máy có 01 sim điện thoại số 0835766828;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động dạng bàn phím nhãn hiệu ACE tạm giữ đối với Lục Thị B, số IMEI 1: 359053915873141, số IMEI 2: 359053915873158, trong máy có 02 sim điện thoại số 0865998660; 0877646762;

- Số tiền 219.073.000 đồng (hai trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2023.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Hoàng Văn Th, Ninh Thị T và Lục Thị B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bế Thị Thùy Linh